

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích của 03 sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích của 03 sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Cao Bằng:

1. Sở Tài chính
2. Sở Nội vụ
3. Ban quản lý khu kinh tế tỉnh

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Các sở, ban, ngành; đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đối với các TTHC được công bố tại Điều 1 thực hiện theo đúng trách nhiệm, yêu cầu và quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên ở Điều 1; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- CT, các PCT UBND ;(bảnĐT)
- CVP, PCVP UBND tỉnh,TTTT; (bảnĐT)
- Bưu điện tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT 03 SỞ, BAN, NGÀNH THỰC HIỆN VIỆC TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số:1246 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng)

ST T	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ (02 TTHC)	
1	Kê khai giá của các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi cấp tỉnh	Sở Tài chính
2	Đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi cấp tỉnh	Sở Tài chính
II	LĨNH VỰC TÔN GIÁO (06 TTHC)	
1	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Sở Nội vụ
2	Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Sở Nội vụ
3	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Sở Nội vụ
4	Thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	Sở Nội vụ
5	Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Sở Nội vụ
6	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Sở Nội vụ
III	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (22 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
3	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
4	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư).BQL	Ban QLKKT tỉnh
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.BQL	Ban QLKKT tỉnh
6	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.BQL	Ban QLKKT tỉnh
7	Chuyển nhượng dự án đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.BQL	Ban QLKKT tỉnh
9	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án,	Ban QLKKT tỉnh

	trọng tài.BQL	
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
11	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Ban QLKKT tỉnh
12	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
13	Giãn tiến độ đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
14	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
15	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
16	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.BQL	Ban QLKKT tỉnh
17	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.BQL	Ban QLKKT tỉnh
18	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.BQL	Ban QLKKT tỉnh
19	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
20	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
21	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
22	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.BQL	Ban QLKKT tỉnh
IV	LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG (02 TTHC)	
1	Giới thiệu địa điểm xây dựng và tuyển xây dựng công trình.BQL	Ban QLKKT tỉnh
2	Chấp thuận tổng mặt bằng quy hoạch và kiến trúc công trình.BQL	Ban QLKKT tỉnh
V	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (01 TTHC)	
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu kinh tế	Ban QLKKT tỉnh
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (03 TTHC)	
1	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế	Ban QLKKT tỉnh
2	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động	Ban QLKKT tỉnh
3	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế	Ban QLKKT tỉnh

Tổng cộng: 36 TTHC

Trong đó:

1. Sở Tài chính: 02 TTHC
2. Sở Nội vụ: 06 TTHC
3. Ban quản lý khu kinh tế tỉnh: 28 TTHC